

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/08/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC3+GTCT+CTK3	7:25	3+7+11	0+0+0		0+3+19	0+0+0	
2		TD1+AMD	7:25	6+16	0+0		4+18	0+0	
3		SAVR+AMD	9:25	4+15	0+0		0+21	0+0	
4		BK20+BK16+CTK3	9:25	0+11+10	0+0+0		0+9+13	0+0+0	chuyen 1 bk20-16
5		RP1+GTCT+CTK3	11:40	4+0+14	0+0+0		1+4+16	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày Gtct-3ng



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 17/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD1 - AMD	CREW: NAM - MTHAO - DTÙNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02	VNHS FLIGHT: TM26/3734		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN GIA CƯỜNG	TD1	66	1	12	1	20	71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THÀNH TRUNG	TD1	67-68	2	17			75	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ THÁI THÀNH	TD1	69-70	2	17			76	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ QUANG ĐẠO	TD1	71-72	2	20			81	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD1	65	1	15			79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	TD1	73-74	2	17			119	KH-THAC	Vietnamese
7	GARY SCOTT FEARN	AMD	37	1	10			88	BAB	British
8	MOHD GHAZALI BIN JUSOH	AMD	40-41	2	12			74	BAB	Malaysian
9	CHOO SHERNISE	AMD	38-39	2	8			51	BAB	Malaysian
10	TRINH THUONG MAI	AMD	24-25	2	12			60	TLJOC	Vietnamese
11	THAN CANH THINH	AMD	26-28	3	15			75	TLJOC	Vietnamese
12	NGUYEN VO BA LINH	AMD	33-34	2	15			79	HLJOC	Vietnamese
13	PHAN VĂN HẢO	AMD	31-32	2	10			52	HLJOC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN HIẾU	AMD	20	1	6			60	VR	Vietnamese
15	TRẦN LÊ HÒA	AMD	36	1	12			59	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC TUẤN	AMD	35	1	2			54	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	AMD	42-43	2	10			60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	21	1	6			48	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	AMD	23	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN QUYẾT	AMD	29	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH TƯỜNG	AMD	30	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ CHÍ CƯỜNG	AMD	22	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	6	501	10	98	1	20	4		
2	AMD	16	1.035	24	140	0	0	18		
TOTAL		22	1.536	34	238	1	20	22		
WEIGHT KG			1.536		238		20			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

TRẦN HỒNG NAM
MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 17/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: RC3 - GTC1 - CTK3	CREW: HUNG - M.ĐỨC - MQUÂN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01	VNHS FLIGHT: TM26/3731		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN VĂN HUY	RC3	99	1	13	1	20	76	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TRUNG HIẾU	RC3	85-86	2	19			76	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN TIỆP	RC3	83-84	2	14			81	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH TUỆ	GTC1						68	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG THÀNH TRUNG	GTC1						76	KH-THAC	Vietnamese
6	SMIRNOV SERGEI	GTC1	10	1	4			96	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN PHI KHÁI HOÀN	GTC1						72	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HÙNG	GTC1						79	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGHĨA TÍN	GTC1	11	1	14			78	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TUYẾN	GTC1						68	KH-THAC	Vietnamese
11	BAGDANOV EVGENI	CTK3	76-77	2	17			80	KH-THAC	Russian
12	TRỊNH QUỐC HUY	CTK3	75	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN DƯ	CTK3	71	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỒNG ANH	CTK3	70	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN BẮC HÀ	CTK3	79-80	2	13			63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TUẤN ANH	CTK3	81-82	2	18			77	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ CẢNH HUNG	CTK3	73-74	2	9			65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	67-68	2	19			75	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÀM VĂN THÀNH	CTK3	78	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ QUÝ TOÀN	CTK3	72	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
21	NGÔ QUANG THẮNG	CTK3	69	1	7			83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC3	3	233	5	46	1	20	0		
2	GTC1	7	537	2	18	0	0	3		
3	CTK3	11	767	16	115	0	0	19		
TOTAL		21	1.537	23	179	1	20	22		
WEIGHT KG			1.537		179		20			

GRAND TOAL: 1.736 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 17/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: SAVR - AMD	CREW: HUNG - M.ĐỨC - MQUÂN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03	VNHS FLIGHT: TM26/3732		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN BÁ HUNG	SAVR	31	1	10			81	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LINH	SAVR	30	1	16	4	40	65	DVL	Vietnamese
3	KARIMOV ILNUR	SAVR	38	1	14			75	AMHGP	Russian
4	ZINNATULLIN AZAT	SAVR	36-37	2	16			66	AMHGP	Russian
5	BÙI TRẦN LIÊM	AMD	02	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC THƯ	AMD	10	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC HẬU	AMD	08	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH HOÀNG	AMD	03-04	2	15			80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN CÔNG THÀNH	AMD	18-19	2	16			65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HIỀN	AMD	01	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN TÂN TRÍ	AMD	05-06	2	13			61	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG HỮU VINH QUY	AMD	20	1	13			77	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG TRUNG	AMD	21-22	2	15			79	CODIEN	Vietnamese
14	TRẦN XUÂN HOÀN	AMD	16-17	2	15			58	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN NAM HOÀNG	AMD	14-15	2	8			57	CODIEN	Vietnamese
16	LE QUOC TUAN	AMD	09	1	3			64	PSV	Vietnamese
17	PHẠM TUẤN THANH	AMD	07	1	5			78	PSV	Vietnamese
18	ĐINH HỮU TỬ	AMD	12-13	2	8			71	PHATECO	Vietnamese
19	LƯƠNG CAO DỪNG	AMD	11	1	7			72	PHATECO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	4	287	5	56	4	40	1		
2	AMD	15	1.033	22	145	0	0	21		
TOTAL		19	1.320	27	201	4	40	22		
WEIGHT KG			1.320		201		40			

GRAND TOAL: 1.561 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 17/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: BK20 - BK16 - CTK3	CREW: NAM - MTHAO - DTÙNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04	VNHS FLIGHT: TM26/3735		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOÀNG NGỌC TÙNG	BK16	21	1	7	1	20	65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN THANH NAM	BK16	15	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THẮNG	BK16	18	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ CÔNG THUẬN	BK16	22	1	9			81	PVD	Vietnamese
5	LƯƠNG XUÂN HÒA	BK16	13-14	2	14			93	PVD	Vietnamese
6	ĐOÀN DUY KHANH	BK16	16-17	2	15			77	PVD	Vietnamese
7	MAI THANH TÀI	BK16	27-28	2	9			71	PVD	Vietnamese
8	CHÂU QUỐC NINH	BK16	24-25	2	8			68	PVD	Vietnamese
9	ĐÀO KIM CƯỜNG	BK16	19	1	3			58	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ MINH THẮNG	BK16	23	1	10			73	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯU ĐỨC TUẤN	BK16	20	1	3			90	KH-THAC	Vietnamese
12	PHÙNG ĐÌNH HẢI	CTK3	17	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	21	1	9			60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HOÀNG	CTK3	20	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH DIỆN	CTK3	28	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM HỒNG SƠN (10908)	CTK3	24	1	16	1	10	62	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN CƯỜNG	CTK3	27	1	10	1	14	64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	22	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC TUẤN	CTK3	18	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	23	1	10			89	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM THANH HẢI (17773)	CTK3	19	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK20	0	0	0	0	1	20	0	+	CHUYEN 1 PAX BK20-BK16
2	BK16	11	820	15	88	1	20	9		
3	CTK3	10	707	10	84	2	24	13		
TOTAL		21	1.527	25	172	4	64	22		
WEIGHT KG			1.527		172		64			

GRAND TOAL: 1.763 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

TRẦN HỒNG NAM

MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 17/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8406	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: RP1 - GTC1 - CTK3	CREW: HUNG - TTRUNG - TÚ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 05	VNHS FLIGHT: TM26/3733		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ VĂN LỘC	RP1	28	1	15	1	9	60	T-TIN	Vietnamese
2	NGUYỄN CAO TRÍ	RP1	26-27	2	10	1	20	86	T-TIN	Vietnamese
3	PHAN THANH SƠN	RP1	25	1	11	3	27	78	T-TIN	Vietnamese
4	TÔ HỮU THẮNG	RP1	30-31	2	10			81	DK9	Vietnamese
5	TRẦN VĂN TUYẾN	CTK3	32	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
6	HOÀNG NGỌC SÁNG	CTK3	29	1	10			52	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC KHIÊM	CTK3	30-31	2	12			91	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN CÔNG	CTK3	36	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	37	1	6			45	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH HUÂN	CTK3	83-84	2	12			45	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN HÀO	CTK3	41-42	2	14	2	25	61	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN THÁI	CTK3	40	1	8			51	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
13	PHẠM VĂN TỰ	CTK3	38	1	5			56	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY HIẾU	CTK3	39	1	4			59	PSV	Vietnamese
15	LÊ ĐẮC NHÃ	CTK3	35	1	7			61	PSV	Vietnamese
16	LÊ CÔNG VĂN	CTK3	85	1	4			70	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN TÚ	CTK3	34	1	8			74	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN PHẠM TUẤN ANH	CTK3	33	1	7			61	PSV	Vietnamese
19	ĐAU CONG SAU	CTK3	40	1	4			83	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	4	305	6	46	5	56	1		
2	GTC1	0	0	0	0	1	8	4		
3	CTK3	15	951	18	115	2	25	16		
TOTAL		19	1.256	24	161	8	89	21		
WEIGHT KG			1.256		161		89			

GRAND TOAL: 1.506 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
NGUYỄN THÀNH TRUNG